kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 24/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L12.CK1.032

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phát biểu nào sau đây đúng về khí lí tưởng và các thông số trạng thái?

A. Khí lí tưởng là khí bỏ qua được thể tích riêng của phân tử và lực tương tác giữa chúng.

B. Khí thực càng gần khí lí tưởng khi áp suất càng cao và nhiệt độ càng thấp.

C. Trạng thái của một lượng khí chỉ cần hai thông số là áp suất và thể tích.

D. Trong hệ SI, thể tích của khí đo bằng lít.

Câu 2. Một ống thủy tinh tiết diện đều dài 77 cm, một đầu kín, chứa không khí ở áp suất khí quyển 76 cmHg. Ấn ống thẳng đứng, miệng ở dưới, vào một chậu thủy ngân rộng cho đến khi đầu kín ngang với mặt thủy ngân trong chậu. Coi nhiệt độ không đổi và mặt thủy ngân trong chậu không đổi. Thủy ngân dâng vào trong ống một đoạn bao nhiêu xentimét? (làm tròn đến hàng phần mười).

A. $47,4$ cm **B.** $29,6$ cm **C.** $38,8$ cm **D.** $39,0$ cm

Câu 3. So với nhiệt lượng cần đun một kilôgam nước từ $0\ ^\circ$C lên $100\ ^\circ$C, nhiệt lượng cần để hoá hơi hoàn toàn kilôgam nước ấy

A. nhỏ hơn khoảng hai lần.

B. nhỏ hơn khoảng năm lần.

C. bằng nhau.

D. lớn hơn khoảng năm lần.

Câu 4. Một khối khí nhận nhiệt lượng 900 J và dãn nở, thực hiện công 390 J lên môi trường. Nội năng của khối khí biến thiên

A. -510 J **B.** 900 J **C.** 510 J **D.** 1290 J

Câu 5. Trong thí nghiệm đo nhiệt dung riêng bằng nhiệt lượng kế, một phần nhiệt lượng thoát ra môi trường. Vì thế giá trị nhiệt dung riêng tính được so với giá trị thật sẽ

A. nhỏ hơn.

B. lúc lớn hơn lúc nhỏ hơn tuỳ lần đo.

C. lớn hơn.

D. bằng đúng giá trị thật.

Câu 6. Ở thể khí, các phân tử của chất

A. phân tử gần nhau nhưng vị trí cân bằng dịch chuyển được.

B. phân tử sát nhau, dao động quanh vị trí cân bằng cố định.

C. đứng yên hoàn toàn, không chuyển động.

D. phân tử ở rất xa nhau và chuyển động tự do.

Câu 7. Động năng tịnh tiến trung bình của một phân tử khí liên hệ với nhiệt độ tuyệt đối theo hệ thức

A. $\overline{W_{\text{đ}}} = \dfrac{3}{2}kT$ **B.** $\overline{W_{\text{đ}}} = \dfrac{3}{2}kTm_0$

C. $\overline{W_{\text{đ}}} = \dfrac{2}{3}kT$ **D.** $\overline{W_{\text{đ}}} = \dfrac{3}{2}kt$ với t tính bằng độ Celsius

Câu 8. Phương trình cân bằng nhiệt của một hệ cách nhiệt được viết là

A. $Q_{\text{toả}} = mc\Delta t$ của riêng vật lạnh **B.** $Q_{\text{toả}} = 2Q_{\text{thu}}$

C. $Q_{\text{toả}} = Q_{\text{thu}}$ **D.** $Q_{\text{toả}} + Q_{\text{thu}} = 0$ với cả hai đều dương

Câu 9. Một bình chứa khí ôxi có khối lượng riêng $1,43\ \text{kg/m}^3$ khối lượng mol của khí là $32\ \text{g/mol}$, $N_A = 6,02 \cdot 10^{23}\ \text{mol}^{-1}$. Các phân tử có tốc độ căn quân phương $350\ \text{m/s}$. Áp suất khí bằng bao nhiêu, theo đơn vị 10^5 Pa? (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $0,58$ **B.** 0 **C.** $0,29$ **D.** $1,75$

Câu 10. Một khối nước đá khối lượng $4,2\ \text{kg}$ ở $-33\ ^\circ\text{C}$ nhiệt dung riêng của nước đá là $2100\ \text{J/(kg} \cdot \text{K)}$, nhiệt nóng chảy riêng là $340 \cdot 10^3\ \text{J/kg}$. Nhiệt lượng cần cung cấp để khối nước đá ấy nóng chảy hoàn toàn bằng (làm tròn đến hàng đơn vị).

A. $1137\ \text{kJ}$ **B.** $1719\ \text{kJ}$ **C.** $291\ \text{kJ}$ **D.** $1428\ \text{kJ}$